

**CÔNG TY CỔ PHẦN SZONE GAME STUDIO**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN SZONE GAME STUDIO

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: SZONE GAME STUDIO JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: SZONE GAME STUDIO JSC

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0110172756

**3. Ngày thành lập:** 07/11/2022

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Ô 4 - Tầng 7, số 107 Đường Nguyễn Phong Sắc, Phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0985462086

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                           | Mã ngành    |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 1.  | Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa<br>Chi tiết: Đại lý hàng hóa<br>Trừ hoạt động đấu giá tài sản                                    | 4610        |
| 2.  | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình<br>(trừ các loại nhà nước cấm)                                                                   | 4649        |
| 3.  | Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm                                                                                 | 4651        |
| 4.  | Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông                                                                                  | 4652        |
| 5.  | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác                                                                                     | 4659        |
| 6.  | Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại<br>Chi tiết: Hoạt động tổ chức triển lãm, sự kiện, giới thiệu, hội nghị (trừ hợp báo)     | 8230        |
| 7.  | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh | 8299        |
| 8.  | Đào tạo sơ cấp                                                                                                                      | 8531        |
| 9.  | Đào tạo trung cấp                                                                                                                   | 8532        |
| 10. | Giáo dục khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết:<br>- Dạy máy tính.                                                                | 8559        |
| 11. | Dịch vụ hỗ trợ giáo dục                                                                                                             | 8560        |
| 12. | Sửa chữa máy vi tính và thiết bị ngoại vi                                                                                           | 9511        |
| 13. | Sửa chữa thiết bị liên lạc                                                                                                          | 9512        |
| 14. | Lập trình máy vi tính                                                                                                               | 6201(Chính) |
| 15. | Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính                                                                                 | 6202        |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                |      |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 16. | Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 6209 |
| 17. | Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 6311 |
| 18. | Cổng thông tin<br>(trừ hoạt động báo chí)<br>Chi tiết:<br>- Thiết lập mạng xã hội<br>- Thiết lập trang thông tin điện tử tổng hợp<br>- Dịch vụ thương mại điện tử                                                                                                                                                                                                                                                              | 6312 |
| 19. | Hoạt động tư vấn quản lý<br>(Trừ hoạt động tư vấn và đại diện pháp lý; hoạt động vận động hành lang; hoạt động kế toán, kiểm toán)                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 7020 |
| 20. | Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học kỹ thuật và công nghệ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 7212 |
| 21. | Quảng cáo<br>(trừ các loại nhà nước cấm)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 7310 |
| 22. | Hoạt động thiết kế chuyên dụng<br>Chi tiết: Dịch vụ thiết kế đồ họa                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 7410 |
| 23. | Bán buôn tổng hợp<br>(trừ các loại nhà nước cấm)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 4690 |
| 24. | In ấn<br>(trừ các loại Nhà nước cấm và không bao gồm hoạt động xuất bản)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 1811 |
| 25. | Dịch vụ liên quan đến in<br>(trừ rập khuôn tem)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 1812 |
| 26. | Xuất bản phần mềm<br>(Trừ các loại Nhà nước cấm)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 5820 |
| 27. | Hoạt động sản xuất phim điện ảnh, phim video và chương trình truyền hình<br>(trừ hoạt động sản xuất chương trình truyền hình)                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 5911 |
| 28. | Hoạt động hậu kỳ<br>Chi tiết: Hoạt động như biên tập, truyền phim /băng, đầu đề, phụ đề, giới thiệu phim (giới thiệu danh sách các diễn viên, đạo diễn, người quay phim...), thuyết minh, đồ họa máy tính, sản xuất các phim hoạt họa và các hiệu ứng đặc biệt về chuyển động, phát triển và xử lý phim điện ảnh, các hoạt động làm thử phim điện ảnh, hoạt động của các phòng thí nghiệm đặc biệt dành sản xuất phim hoạt họa | 5912 |
| 29. | Hoạt động phát hành phim điện ảnh, phim video và chương trình truyền hình<br>(Trừ hoạt động phát hành chương trình truyền hình)                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 5913 |
| 30. | Cho thuê băng, đĩa video                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 7722 |
| 31. | Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 4741 |
| 32. | Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 4742 |

6. **Vốn điều lệ:** 3.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

7. **Số cổ phần được quyền chào bán:** 300.000

8. **Cổ đông sáng lập:**

| STT | Tên cổ đông                                                                   | Địa chỉ liên lạc<br>đối với cá nhân;<br>địa chỉ trụ sở<br>chính đối với tổ<br>chức                                         | Loại cổ<br>phần                    | Số cổ<br>phần | Giá trị cổ phần<br>(VNĐ) | Tỷ lệ<br>(%) | Số giấy<br>CMND<br>(hoặc số<br>chứng thực<br>cá nhân<br>khác); Mã<br>số doanh<br>nghiệp; Số<br>quyết định<br>thành lập | Ghi<br>chú |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------|---------------|--------------------------|--------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|
| 1   | CÔNG TY CỔ<br>PHẦN SÁNG<br>TẠO VÀ<br>TRUYỀN<br>THÔNG ĐA<br>PHƯƠNG<br>TIỆN IGC | Số 1 ngách 69/8<br>Phố Do Nha, Tổ<br>dân phố số 3,<br>Phường Tây Mỗ,<br>Quận Nam Từ<br>Liêm, Thành phố<br>Hà Nội, Việt Nam | Cổ phần<br>phổ<br>thông            | 210.000       | 2.100.000.000            | 70,000       | 0109067669                                                                                                             |            |
|     |                                                                               |                                                                                                                            | Cổ phần<br>ưu đãi<br>biểu<br>quyết | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                                                                               |                                                                                                                            | Cổ phần<br>ưu đãi<br>cổ tức        | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                                                                               |                                                                                                                            | Cổ phần<br>ưu đãi<br>hoàn lại      | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                                                                               |                                                                                                                            | Các cổ<br>phần ưu<br>đãi khác      | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                                                                               |                                                                                                                            | Tổng số                            | 210.000       | 2.100.000.000            | 70,000       |                                                                                                                        |            |
|     |                                                                               |                                                                                                                            |                                    |               |                          |              |                                                                                                                        |            |
| 2   | PHẠM VĂN<br>TRƯỜNG                                                            | Xóm Dương 1,<br>Xã Ngọc Lương,<br>Huyện Yên Thủy,<br>Tỉnh Hòa Bình,<br>Việt Nam                                            | Cổ phần<br>phổ<br>thông            | 45.000        | 450.000.000              | 15,000       | 0170910048<br>88                                                                                                       |            |
|     |                                                                               |                                                                                                                            | Cổ phần<br>ưu đãi<br>biểu<br>quyết | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                                                                               |                                                                                                                            | Cổ phần<br>ưu đãi<br>cổ tức        | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                                                                               |                                                                                                                            | Cổ phần<br>ưu đãi<br>hoàn lại      | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                                                                               |                                                                                                                            | Các cổ<br>phần ưu<br>đãi khác      | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                                                                               |                                                                                                                            | Tổng số                            | 45.000        | 450.000.000              | 15,000       |                                                                                                                        |            |
|     |                                                                               |                                                                                                                            |                                    |               |                          |              |                                                                                                                        |            |

|   |               |                                                                                          |                           |        |             |        |                  |
|---|---------------|------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------|--------|-------------|--------|------------------|
| 3 | DƯƠNG VIỆT HÀ | B15/D6 Trương Công Giai, Phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam | Cổ phần phổ thông         | 45.000 | 450.000.000 | 15,000 | 0330900032<br>11 |
|   |               |                                                                                          | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0      | 0           | 0,000  |                  |
|   |               |                                                                                          | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0      | 0           | 0,000  |                  |
|   |               |                                                                                          | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0      | 0           | 0,000  |                  |
|   |               |                                                                                          | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0      | 0           | 0,000  |                  |
|   |               |                                                                                          | Tổng số                   | 45.000 | 450.000.000 | 15,000 |                  |
|   |               |                                                                                          |                           |        |             |        |                  |

### 9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

| STT | Tên cổ đông | Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Loại cổ phần | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có) | Tỷ lệ (%) | Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức | Ghi chú |
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
|     |             |                                                                      |              |            |                                                                         |           |                                                                                                               |         |

### 10. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: ĐỖ QUANG HUY

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 10/12/1990

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 001090058706

Ngày cấp: 10/07/2021

Nơi cấp: Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội

Địa chỉ thường trú: 10 ngách 23, ngõ Thịnh Hào 2, Phường Hàng Bột, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: 10 ngách 23, ngõ Thịnh Hào 2, Phường Hàng Bột, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội